

Bản án số: 32/2025/HC-PT

Ngày: 15/01/2025

V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 530/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai";

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14627/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; (Vắng mặt).

**Người đại diện hợp pháp:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà C, đường H, tổ A, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023); (Có mặt).

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai; địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

**Người đại diện hợp pháp:** Ông Đỗ Bá H1 - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 6753/QĐ-UBND ngày 22/12/2023); (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Tạ Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Mạnh H và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (bà Nguyễn Thị D) trình bày:*

Ngày 01/01/1977, gia đình bà Vũ Thị N khai phá 01 thửa đất diện tích 100m<sup>2</sup> tại tổ C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Ngày 06/02/1997, gia đình bà N làm nhà để ở và sinh sống ổn định đến ngày 21/11/2007, gia đình bà N chuyển nhượng thửa đất trên cho cụ Nguyễn Văn C (là bố của ông H). Ngày 01/12/2007, cụ Nguyễn Văn C tặng cho ông Nguyễn Mạnh H toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà cấp 4 và các vật kiến trúc khác. Từ năm 2007 đến nay, gia đình ông H sử dụng nhà và đất ở ổn định, không tranh chấp.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên, gia đình ông H vẫn sử dụng nhà cũ trước đây của gia đình bà N để ở. Năm 2016, căn nhà xuống cấp nên gia đình ông H tiến hành sửa chữa nhà trên nền móng và hiện trạng cũ. Quá trình sử dụng đất, không có hộ gia đình nào bị xử lý, xử phạt về hành vi lấn chiếm đất, sử dụng đất, xây dựng nhà trái pháp luật.

Tháng 7/2022, ông Nguyễn Mạnh H có đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số DC5, diện tích 100m<sup>2</sup>. Tháng 12/2022, ông H được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 198 được sử dụng mục đích đất ở từ năm 1977 (BL38).

Ngày 24/4/2023, Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện B ban hành Quyết định số 1417/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai (*viết tắt là Quyết định số 1417/QĐ*) và Quyết định số 1425/QĐ-UBND về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến hộ gia đình ông H (*viết tắt là Quyết định số 1425/QĐ*) đối với diện tích đất trên.

Ông H cho rằng UBND huyện B thu hồi diện tích 192,6m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông và xác định đất trồng cây lâu năm (CLN) là không đúng theo hiện trạng sử dụng đất. Bởi theo Bản đồ địa chính thị trấn P, diện tích 100m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông H là đất ở (ODT), thể hiện tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 39 (thửa đất số 198, tờ bản đồ DC5). Ngoài ra, căn cứ hiện trạng tài sản trên đất có nhà ở, công trình và các tài liệu là Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 18/7/2022, Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 22/6/2022, Biên bản họp ngày

22/6/2022 đều xác định diện tích đất của hộ ông H là đất ODT. Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B tự chỉnh lý 100m<sup>2</sup> đất ở bản đồ địa chính xác định là đất CLN không đúng pháp luật.

Không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện B, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 1417/QĐ của UBND huyện B.
2. Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ của UBND huyện B.
3. Tuyên hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B liên quan đến gia đình ông T (*viết tắt là Quyết định số 4561/QĐ*).
4. Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất định cư cho hộ gia đình ông H theo đúng quy định của pháp luật.

*Người bị kiện là UBND huyện B (do ông Đỗ Bá H1 đại diện hợp pháp) trình bày:*

Ông Nguyễn Mạnh H sử dụng thửa đất số 157, tờ bản đồ số 39, diện tích 205,3m<sup>2</sup>, tại tổ dân phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai có nguồn gốc được tặng cho từ cụ Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng đất của ông L2, bà N năm 2007, thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ, trên đất có nhà ở và các công trình phụ khác. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính và bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M, huyện B được đo đạc và nghiệm thu năm 2018 không thể hiện ông Nguyễn Mạnh H có tài sản, vật kiến trúc trên đất.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai về việc xác định loại đất, UBND huyện B thu hồi, bồi thường đất nông nghiệp cho ông Nguyễn Mạnh H là đúng quy định.

Ngày 03/4/2018, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 986/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M, thị trấn P, huyện B.

Ngày 05/7/2019, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1985/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ T, thị trấn P, huyện B (*viết tắt là Dự án*).

Ngày 09/7/2019, UBND huyện B tổ chức họp các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất để công khai và triển khai công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 22/7/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 3592/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập

phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án.

Ngày 04/8/2020, UBND huyện B ban hành Thông báo thu hồi đất số 593/TB-UBND để thực hiện Dự án.

Ngày 18/7/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn P, Chủ đầu tư và hộ gia đình là ông Nguyễn Mạnh H đã tổ chức tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 24/4/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 1417/QĐ và Quyết định số 1425/QĐ để thực hiện Dự án.

Ngày 10/5/2023, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B và UBND thị trấn P chi trả tiền cho hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh H theo Thông báo số 29/TB-QLDA ngày 08/5/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, tuy nhiên ông H không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 15/5/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện B phối hợp với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban ngành, đoàn thể thị trấn P tổ chức vận động, thuyết phục ông Nguyễn Mạnh H chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, ông H không nhận tiền bồi thường và không bàn giao đất để thực hiện công trình.

Ngày 26/5/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Như vậy, UBND huyện B đã thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc ông H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1417/QĐ và hủy bỏ một phần Quyết định số 1425/QĐ là không có cơ sở; đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai 2003; Điều 11, Điều 66, Điều 69, Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H như sau:

- Hủy Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến ông H.

- Hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B liên quan đến gia đình ông H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai phải chịu tiền chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Xác nhận ông H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại Tòa án, do đó cần buộc UBND huyện B phải hoàn trả cho ông H số tiền chi phí xem xét thẩm định trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/9/2024, người bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Lào Cai có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (bà Nguyễn Thị D) đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện (ông Đỗ Bá H1) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H, giữ nguyên các quyết định của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của người khởi kiện mà không xem xét hồ sơ, sổ mục kê, sổ địa chính và quá trình sử dụng diện tích đất của gia đình ông H nên đã chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ

tục phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 14/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Nguyễn Mạnh H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Ngày 27/9/2024, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 14/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai; UBND huyện B đã đóng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Căn cứ Điều 209 Luật Tố tụng hành chính kháng cáo của UBND huyện B được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Mạnh H vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị L vắng mặt. Xét các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, phiên tòa xét xử mở lần 2; căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[1.3] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Mạnh H khởi kiện Quyết định số 1417/QĐ, Quyết định số 1425/QĐ và Quyết định số 4561/QĐ của UBND huyện B; Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất định cư cho hộ gia đình ông H theo đúng quy định của pháp luật là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 24/4/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1417/QĐ và Quyết định số 1425/QĐ; ngày 20/9/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4561/QĐ. Không nhất trí với các quyết định trên, ngày 06/10/2023, ông Nguyễn Mạnh H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai về tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính:

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Quyết định số 1417/QĐ, Quyết định số 1425/QĐ và Quyết định số 4561/QĐ của UBND huyện B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung các quyết định hành chính:

[2.2.1] Trước năm 1994, khu vực hộ ông Nguyễn Mạnh H sử dụng đất chưa đo đạc thành lập bản đồ địa chính. Đến năm 1994, được đo đạc thành lập bản đồ địa chính (số hóa năm 2005), trong đó ghi 05 thửa đất chủ sử dụng là hộ gia đình ông Nguyễn Văn L1 (là anh trai ông H) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng T1 (H4), ông Nguyễn Đăng K, ông Nguyễn Văn L2 (N), ông Nguyễn Tài H2 và ông Vũ Văn B.

[2.2.2] Theo Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 22/6/2022 thể hiện đất có nguồn gốc: Ngày 01/01/1977, bà Vũ Thị N khai phá vườn; ngày 06/02/1977 bà N làm nhà ở ổn định; ngày 20/01/2007 bà N chuyển nhượng nhà và đất ở cho ông Nguyễn Văn C; ngày 01/12/2007 ông C chuyển nhượng cho ông H nhà và đất ở ổn định từ đó đến nay không tranh chấp. Tuy nhiên, đây là nội dung xác định nguồn gốc đất để thực hiện việc cấp GCNQSDĐ năm 2022 sau khi đã có Thông báo thu hồi đất năm 2020.

[2.2.3] Khi thu hồi đất để thực hiện dự án, ngoài gia đình ông H, ông L1 còn có các gia đình khác là các ông, bà: Mai Xuân S, Lê Văn Đ, Mai Văn T2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị N1... Tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2023, thành phần tham gia có đại diện UBND thị trấn, tổ dân phố, các hộ dân sinh sống tại tổ dân phố số 3 thể hiện: Các hộ ông, bà: Mai Xuân S, Nguyễn Mạnh H, Lê Văn Đ, Mai Văn T2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị N1 không sinh sống tại thửa đất đã bị thu hồi tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2.2.4] Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008 và bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới được đo đạc nghiệm thu năm 2018, không thể hiện ông H có tài sản, vật kiến trúc trên đất; Văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 của Chi cục thuế huyện B về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khiếu nại, hộ ông H được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2012 - 2021 mà không phải đã nộp thuế nên không có căn cứ là đất ở có nhà ở ổn định trên đất bị thu hồi (BL 161 - BL 162).

[2.2.5] Tại Thông báo số 563/TB-UBND ngày 04/8/2020, UBND huyện B thông báo cho gia đình ông H diện tích đất dự kiến thu hồi 205,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 5 tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai loại đất đang sử dụng là đất ODT (BL 39); Thông báo số 433/TB-UBND ngày 13/4/2023, UBND huyện B thông báo điều chỉnh mục đích sử dụng đất tại Thông báo số 563/TB-UBND ngày 04/8/2020 đối với gia đình ông H từ mục đích sử dụng đất ODT thành đất CLN với lý do phù hợp với hồ sơ địa chính (BL 73).

[2.2.6] Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 20/7/2022 có đóng dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện: Thửa đất số 198, tờ bản đồ số DC5, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ODT mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh H (BL 41); thửa đất số 197, tờ bản đồ 39, diện tích 92,6m<sup>2</sup> đất CLN, chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh H (BL 42). Tuy nhiên, tại trích lục bản đồ địa chính ngày 20/7/2022 có đóng dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện thửa đất số 198, tờ bản đồ số 39, diện tích 100m<sup>2</sup> đất CLN, mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh H (BL 43).

Tại trích lục bản đồ địa chính (không ghi ngày tháng năm có đóng dấu photo của Công ty TNHH V), diện tích đất 205,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 39 tại tổ dân phố số C thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai, mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh H, mục đích sử dụng đất CLN (BL 95; BL 99).

Tại Công văn số 1462/UBND-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (BL 201) cho thấy: Các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Mạnh H không chứng minh được đã sử dụng thửa đất trên từ khi nhận chuyển nhượng năm 2007 đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án. Việc chứng minh các nghĩa vụ tài chính khi sử dụng đất ổn định, liên tục chưa phù hợp; các loại giấy tờ khác như hóa đơn điện, nước,...theo hộ đang sử dụng không có.

Ngoài ra, tại Văn bản số 08/PTNMT-HC ngày 11/01/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (BL 207) trả lời: *Để được cấp GCNQSDĐ hộ gia đình, cá nhân phải sử dụng đất ổn định. Tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định được xác định căn cứ vào thời gian và nội dung có liên quan đến mục đích sử dụng đất ghi trên một trong các giấy tờ sau đây: Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất. Qua kiểm tra tờ bản đồ địa chính số DC39, tỷ lệ 1/1.000 của thị trấn P đo đạc năm 2008 đã được UBND thị trấn P công nhận hiện trạng và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và công nhận số liệu không có thửa đất số 198, tờ bản đồ số DC5 (thửa đất ông H đề nghị cấp GCNQSDĐ). Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tra cứu tài liệu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L1 là anh trai của ông Nguyễn Mạnh H có liên quan đến thửa đất trong hồ sơ của Chi cục thuế huyện B. Tại Văn bản số 32/CCT-NVQLT ngày 03/02/2022 về việc cung cấp thông tin liên quan đến khiếu nại Chi cục thuế huyện B có nêu: Năm 2012 có tổ chức kê khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ông Nguyễn Mạnh H không kê khai nộp thửa đất trên. Theo bản đồ đánh giá hiện trạng kiến trúc cảnh quan và quỹ đất xây dựng trong bản đồ quy hoạch được các cơ quan đo đạc, kiểm tra và UBND tỉnh L phê duyệt ngày 03/4/2018 thì vị trí gia đình ông Nguyễn Mạnh H đề nghị được công nhận quyền sử dụng đất không có vật kiến trúc như trong hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ. Như vậy, hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Mạnh H không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ nên Phòng Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Mạnh H. Vì vậy, không đủ điều kiện để xác định thửa đất trên của hộ ông H được sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích đất ở tại đô thị kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng tặng cho đến thời điểm thu hồi đất năm 2023 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.*



[2.2.7] Theo quy định tại Điều 11, khoản 4 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”; khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “...Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất”. Như vậy, việc UBND huyện B chuyển mục đích sử dụng đất để đảm bảo cho dự án là đúng thẩm quyền.

[2.2.8] Theo bản đồ địa chính năm 1994 và năm 2008 thể hiện diện tích đất của ông Nguyễn Văn L1 có 2333.8m<sup>2</sup> là đất LNK, 120m<sup>2</sup> là đất ODT. Ông L1 đã được cấp GCNQSDĐ ngày 20/12/2008 đối với 120,3m<sup>2</sup> đất ODT. Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 03/5/2019: Khi tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Mạnh H, hồ sơ pháp lý về nguồn gốc sử dụng đất tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 39, mục đích sử dụng CLN, GCNQSDĐ cấp ngày 20/12/2008 mang tên ông Nguyễn Văn L1. Hiện trạng trên đất, loại công trình trên đất: Nhà cột sắt lợp tôn, phù hợp với Biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu; bản tự kê khai số lượng, tài sản, hoa màu, chủ sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn L1.

[2.2.9] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xác định: (BL 223), tổng diện tích 195,8m<sup>2</sup> xung quanh đất đã bị thu hồi nên không xác định được tứ cận cụ thể. Trên đất có nhà cấp 4 đã xây dựng của hộ dân được cấp tái định cư. Tiến hành lồng ghép diện tích đất đo đạc thực tế do phía người khởi kiện xác định tại thực địa lên tờ bản đồ DC39, đo đạc được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai nghiệm thu năm 2008, nhận thấy: Có 78,6m<sup>2</sup> trùng vào thửa đất số 300, loại đất LNK không mang tên ai; có 105,8m<sup>2</sup> trùng vào thửa đất số 318 loại đất LNK mang tên ông Nguyễn Văn L1; có 11,4m<sup>2</sup> trùng vào thửa đất số 319, loại đất ODT mang tên ông Đoàn Văn L3. [2.2.10] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người khởi kiện xác định căn nhà cấp 4 đã xây dựng không phải của ông Nguyễn Mạnh H; còn đại diện ủy quyền của người bị kiện nộp cho Hội đồng xét xử Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND huyện B thu hồi 1.744,9m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Ánh N2 tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai và Quyết định số 4590/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND huyện B về việc giao đất (tái định cư) diện tích 120m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Ánh N2. Vì thực tế ông L1 sử dụng đất có nhà trên đất và đã được bồi thường hỗ trợ tái định cư còn gia đình ông H không sinh sống tại thửa đất đã bị thu hồi tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2.2.11] Ngày 24/4/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1417/QĐ thu hồi diện tích 192,6m<sup>2</sup> đất CLN tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 39 ông H đang sử dụng tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1425/QĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B trong đó gia đình ông H vẫn thể hiện diện tích 192,6m<sup>2</sup> đất CLN tại thửa đất số 157, tờ bản đồ

39 (BL 80; BL 84).

[2.2.12] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B là ông Đỗ Bá H1 trình bày: Thửa đất số 157 không trùng với thửa đất số 197; thửa đất số 198, tờ bản đồ số DC5 không được UBND huyện B công nhận do Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thực hiện chức năng trích lục các thửa đất trên các tờ bản đồ có dấu hiệu sai phạm nên lập ra sơ đồ trích thửa trên tờ bản đồ số DC5 để hợp thức hóa hồ sơ cho gia đình ông H1 nên sơ đồ trích thửa trên tờ bản đồ số DC5 không được công nhận. Tại trích lục bản đồ địa chính ngày 20/7/2022 có đóng dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện thửa đất số 198, tờ bản đồ số 39, diện tích 100m<sup>2</sup> đất CLN, mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Mạnh H là có căn cứ.

[2.2.13] Với những phân tích nêu trên, việc UBND huyện B, tỉnh Lào Cai xác định hộ ông H sử dụng đất nhưng chưa có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và chưa được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại thời điểm thu hồi đất là có cơ sở. Do đó, Quyết định số 1417/QĐ của UBND huyện B về việc thu hồi đất của ông H, trong đó xác định toàn bộ diện tích đất 192,6m<sup>2</sup> bị thu hồi là đất CLN là phù hợp với quy định của pháp luật và hiện trạng sử dụng đất hộ ông H. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc UBND huyện B thu hồi đất của ông H, trong đó xác định toàn bộ diện tích 192,6m<sup>2</sup> đất bị thu hồi là đất CLN không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và các quy định của pháp luật từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H hủy Quyết định số 1417/QĐ là không đủ căn cứ.

[2.2.14] Căn cứ theo Quyết định số 1425/QĐ, hộ ông H được bồi thường tổng số tiền là 63.098.905 đồng, trong đó: Bồi thường đất đai: 5.778.000 đồng; bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất: 29.762.585 đồng; bồi thường hoa màu trên đất: 8.822.520 đồng; chính sách hỗ trợ: 18.735.800 đồng. Như vậy, hộ ông H sử dụng đất và công trình nhà ở trên diện tích đất 100m<sup>2</sup> thuộc loại đất CLN, UBND huyện B áp giá toàn bộ đất có nhà ở và bồi thường theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 và Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh L quy định về bảng giá đất để bồi thường đối với diện tích đất CLN là đúng quy định theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 tại thời điểm thu hồi đất. Căn cứ theo khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, UBND huyện B xác định hộ ông H không có nơi ở nào khác cùng địa bàn xã, thị trấn nơi có đất bị thu hồi nên giao 01 suất giao 01 suất đất tái định cư đất ở có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định 4561/QĐ cho hộ ông H là đúng với các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông H.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy; UBND huyện B ban hành các Quyết định số 1417/QĐ; Quyết định số 1425/QĐ và Quyết định số 4561/QĐ là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và phù hợp về nội dung và đã thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai;

sửa Bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai được chấp nhận nên UBND huyện B, tỉnh Lào Cai không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Cụ thể:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 29, Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H về việc:

- Hủy Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến ông H

- Hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B liên quan đến gia đình ông H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số

0000004 ngày 08/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

UBND huyện B không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Xác nhận ông H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại Tòa án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: UBND huyện B, tỉnh Lào Cai không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho UBND huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000156 ngày 10/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Thị Thơm**